

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỨC THUẬN PHÁT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỨC THUẬN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUC THUAN PHAT DEVELOPMENT INVESTMENT AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DUC THUAN PHAT TRADING CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110138794

3. Ngày thành lập: 04/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5, ngách 93, ngõ 238 Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02466505050

Fax:

Email: congtyducthuanphat6868@gmail.com Website: il.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Trừ hoạt động đấu giá tài sản	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Trừ mặt hàng Nhà nước cấm	4620
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán thiết bị sản xuất nước tinh khiết, nước khoáng đóng chai	4659
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4669

14.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng hoa hàng năm	0118
15.	Trồng cây ăn quả	0121
16.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
17.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
18.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
19.	Chăn nuôi gia cầm	0146
20.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
21.	Khai thác gỗ	0220
22.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: – Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh – Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 16 Nghị định 187/2013/NĐ-CP) (Trừ Dịch vụ báo cáo tòa án hoặc ghi tức ký; Dịch vụ lấy lại tài sản; Hoạt động đấu giá độc lập)	8299
24.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
25.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng (Theo quy định điểm a khoản 1 Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng) - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng (Theo quy định điểm b khoản 1 Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng) - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng (Theo quy định điểm c khoản 1 Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng) - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng (Theo quy định điểm d khoản 1 Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng) - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Theo quy định điểm e khoản 1 Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng)	7110
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410

27.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ (Theo quy định tại khoản 21 Điều 2 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017)	7490
28.	Cho thuê xe có động cơ	7710
29.	Bán buôn tổng hợp (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4690
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
31.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết, nước khoáng đóng chai	1104(Chính)
32.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
33.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
34.	Sản xuất sản phẩm từ plastic chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa	2220
35.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Sản xuất thiết bị sản xuất nước tinh khiết, nước khoáng đóng chai	2829
36.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi. - Điều 4,6 Nghị định số: 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4931
37.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô. - Điều 4,5,6,7,8 Nghị định số: 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4932
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Điều 9 Nghị định số: 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
39.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường thủy	5022
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
42.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
43.	Cơ sở lưu trú khác	5590
44.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
45.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
46.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm (Theo quy định tại Điều 39 Luật Việc làm năm 2013)	7810
47.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
48.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Theo Điều 31 Luật Du lịch năm 2017)	7911
49.	Điều hành tua du lịch	7912
50.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
51.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
52.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
53.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
54.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
55.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
56.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
57.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
58.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
59.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
60.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
61.	Xây dựng nhà để ở	4101
62.	Xây dựng nhà không để ở	4102
63.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
64.	Xây dựng công trình điện	4221

65.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
66.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
67.	Xây dựng công trình thủy	4291
68.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
69.	Phá dỡ	4311
70.	Chuẩn bị mặt bằng Trừ hoạt động nổ mìn	4312
71.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
72.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
73.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
74.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
75.	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐÀM THANH MINH	Việt Nam	Số 2, Phố Phan Phù Tiên, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.400.000.000	80,000	001060003510	
2	ĐÀM MINH HẢI	Việt Nam	Số 2, Phố Phan Phù Tiên, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	600.000.000	20,000	001095012829	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐÀM THANH MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/07/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001060003510

Ngày cấp: 08/04/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 2, Phố Phan Phù Tiên, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 2, Phố Phan Phù Tiên, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội